TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày: 31/5/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C– TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Thọ; ông Dương Ngọc Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan – Thư ký TAND huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/HSST-QĐ ngày 10/5/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 01/3/1950, tại: xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện C, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đắc Đa (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị B (Đã chết); Chồng: Nguyễn Đăng S (Đã chết) Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đăng T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày:25/10/1982, tại: xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện C, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đăng S (đã chết); Con bà: Lê Thị N , sinh năm: 1950; Vợ: Lê Thị T, sinh năm: 1986; Có 3 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/3/2011, bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội "Đánh bạc". Đã được xóa án tích. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện C, Thanh Hóa - Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Đăng N; Trịnh Đình C; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện C. Anh N vắng mặt, anh C có mặt.

2. Anh Dương Đức T, trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, Thanh Hóa - Có mặt.

3. Ạnh Doãn Văn C, Trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, Thanh Hóa - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc tranh chấp đất đai giữa các bị cáo và chị Nguyễn Thị N (con gái bị cáo N), nên ngày 24/8/2021, bị cáo Lê Thị N đã bảo Nguyễn Đăng T (là con trai) gọi điện thoại cho anh Doãn Văn C, trú tại thôn C, xã T, huyện C để thuê máy xúc của anh C nhằm mục đích phá bức tường rào của nhà chị N để lấy lại đất. Bị cáo T đã gọi điện cho anh C để thuê anh C phá bức tường rào của chị N, anh C nhận lời (giữa bị can T và anh C chỉ thỏa thuận bằng lời nói). Đến ngày 25/8/2021, anh C giao máy xúc cho anh Dương Đức T (là người lái máy thuê) điều khiển máy xúc đến thửa đất của chị N. Khi anh T điều khiển máy đến nơi, bị cáo T và bị cáo N đã chỉ vị trí bức tường rào của chị N và bảo anh T phá bỏ. Khi anh T đang phá dỡ bức tường rào thì chị N phát hiện chạy ra ngăn cản nhưng bị cáo N và bị cáo T ngăn cản không cho chị N chạy lại nơi máy xúc đang phá dỡ. Bị cáo T và bị cáo N liên tục yêu cầu anh T điều khiển máy phá dỡ và cam đoan sẽ chịu trách nhiệm. Anh T gọi điện thoại báo cáo sự việc cho anh Doãn Văn C để xin ý kiến thì T yêu cầu anh T đưa điện thoại cho mình và yêu cầu anh C cho thợ tiếp tục điều khiển máy xúc phá hủy tường rào và cam đoan sẽ chịu mọi trách nhiệm. Anh C tin tưởng nên đã để anh T tiếp tục điều khiển máy xúc phá tường. Chị N chạy đi tìm và gọi điện cho anh C thông báo cho anh C biết bức tường rào và đất nơi máy xúc của anh C đang phá hủy là của mình và yêu cầu dừng lại thì anh C lúc này mới biết việc T thuê máy phá dỡ bức tường là của chị N nên gọi điện bảo anh T dừng lại. Khi anh T nhận được thông tin từ anh C thì bức tường rào đã đổ sập hoàn toàn. Đến ngày 23/9/2021, chị Nguyễn Thị N đến Công an xã T, để báo cáo vụ việc và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo báo cáo của người bị hại Nguyễn Thị N tài sản là bức tường rào bị hủy hoại có giá trị 7.610.000^{đ} (bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Ngày 05/11/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện C xác định tài sản là bức tường rào bị cáo N và bị cáo T phá hủy có giá trị là 5.224.000 đồng *(Năm triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng).*

Tại bản Cáo trạng số 13/CT-VKSCT-SH, ngày 16/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, truy tố các bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Đăng T tội "Hủy hoại tài sản". Theo khoản 1 điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Bị cáo trình bày do bức xúc việc chị Nguyễn Thị N là con gái bị cáo tự ý làm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đúng với diện tích đất mà bị cáo cho chị N, do đó ngày 25/8/2021 bị cáo đã nhờ con trai là Nguyễn Đăng T thuê máy xúc, húc đổ tường rào của gia đình chị N để lấy lại đất của mình. Về

phần bồi thường bị cáo chấp nhận cùng bị cáo T bồi thường số tiền thiệt hại cho chị N.

Bị cáo Nguyễn Đăng T chỉ khai nhận bị cáo có gọi điện cho anh C để thuê máy múc hộ cho bị cáo N. Bị cáo không liên quan đến việc phá tường rào của gia đình chị N, việc này do bị cáo N tự làm. Vì bị cáo thấy bị Công an khởi tố nên nghĩ mình sai, nên ngày/04/4/2022 bị cáo và bị cáo N có làm đơn xin được nộp tiền bồi thường thiệt hại cho chị N. Đây là tiền chung của hai mẹ con nộp để bồi thường cho người bị hại. Bị cáo không có ý kiến gì về việc định giá giá trị tài sản, đồng thời thống nhất cùng bị cáo N bồi thường cho chị N số tiền như đã định giá.

Người bị hại chị Nguyễn Thị N khai sáng ngày 25/8/2022 khi máy múc đến múc đổ tường rào, chính bị cáo N và bị cáo T là người chỉ cho anh T lái máy húc đổ tường rào của chị. T còn ngăn không cho chị ra chỗ phá tường rào, và bảo anh C, anh T là "*cứ múc đi, tội đâu tôi chịu*". Nay chị đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, đồng thời buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường bức tường đã phá đổ của gia đình chị trị giá là 5.224.000đ.

Người làm chứng anh Dương Đức T, anh Doãn Văn C tại phiên tòa có lời khai phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Đăng T phạm tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng đối với bị cáo N: khoản 1 điều 178, điểm b, điểm i, điểm o khoản 1 điều 51, điều 65, Điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, lên mức hình phạt từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 đến 36 tháng tù.

Đối với bị cáo T: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, lên mức hình phạt từ 09 đến 12 tháng tù giam. Thời hạn từ tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 5.224.000đ.

Về án phí: Bị cáo N là người già, được miễn tiền án phí. Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố. Bị cáo T chỉ thừa nhận bị cáo là người thuê máy múc đến dòn vường chứ không thuê để múc đổ tường rào nhà chị N. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại, làm chứng anh Doãn Văn C và anh Dương Đức T đều khai nhận, bị cáo T là người gọi điện cho C yêu cầu anh T tiếp tục múc đổ tường rào của gia đình chị N. Anh Nguyễn Văn N là con trai bị cáo N quá trình điều tra cũng có lời khai phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của anh C, anh T. Lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Sáng ngày 25/8/2021 bị cáo Lê Thị N và Nguyễn Đăng T đã có hành vi hủy hoại tài sản là bức tường rào của gia đình chị Nguyễn Thị N, tại thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa với mục đích lấy lại đất mà bị cáo N đã cho chị N. Giá trị tài sản bị thiệt hại là: 5.224.000 đồng *(Năm triệu, hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" quy định tại khoản 1 điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Về tính chất, vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác. Do đó, cần phải lên mức án thật nghiêm khắc đối với các bị cáo. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức thực hiện tội phạm. Bị cáo N có vai trò chính là người khởi xướng, thực hành tích cực. Bị cáo T có vai trò là người giúp sức và là người thực hành tích cực.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N chỉ khai nhận hành vi phạm tội của mình, bao che, nhận tội cho bị cáo T, do đó bị cáo N không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm b, điểm i, điểm o khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đó là Phạm tội lần đầu thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng; Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho người bị hại; Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Nguyễn Đăng T quá trình điều tra và tại phiên tòa quanh co, không nhận tội, do đó không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo. Bị cáo có 1 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đó là đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

[6]. Về hình phạt: Bị cáo N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người già. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T là người có nhân thân xấu, quá trình điều tra, truy tố, xét xử không nhận tội, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Do đó, cần lên mức án thật nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết với đủ răn re giáo dục bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền là 5.224.000đ. Các bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này bên Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Do đó khi án có hiệu lực pháp luật chị Nguyễn Thị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để được nhận lại số tiền được bồi thường.

[8]. *Về án phí:* Bị cáo Lê Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, do đó miễn tiền án phí cho bị cáo Lê Thị N. Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 178 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Thị N, Nguyễn Đăng T tội "Hủy hoại tài sản"

Áp dụng khoản 1 điều 178, điểm b, điểm i, điểm o khoản 1 điều 51; điều 65, Điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Lê Thị N 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị N cho UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 điều 178, điểm b khoản 1 điều 51, điều 38, điều 17, điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 5.224.000đ. Các bị cáo đã tự nguyện nộp đủ bên Cơ quan thi hành án. Do đó, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật chị Nguyễn Thị N có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án để được nhận lại số tiền này theo biên lai thu số AA/2021/0005205, ngày 04/4/2022.

Về án phí: Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo Lê Thị N. Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo; người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Phòng KTNV & THA - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- P7 - VSKND Tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung